

**THE IMMORTAL STONE RAMPARTS
ON THE BORDERLAND IN VIETNAM:
A UNIQUE STYLE OF HISTORICAL
NARRATIVE IN NGUYEN BINH
PHUONG'S NOVEL *US AND THEM***

Cao Kim Lan

*Institute of Literature, Vietnam Academy of
Social Sciences, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Cao Kim Lan,
e-mail: caokimlanvvh@gmail.com

Received February 14, 2025.
Revised February 25, 2025.
Accepted February 27, 2025.

Abstract. War literature in Vietnam is marked by a series of prominent names with their unique style. In Nguyen Binh Phuong's work, the war is narrated in a completely different context and narrative style. The Border War in *Minh và họ* [Us and them] appears as a chaotic, intricate, and fading presence within post-war life. However, the novel reminds us of an unforgettable history, a past that we must know to understand who we are. This paper examines Nguyen Binh Phuong's novel *Minh và họ* from the perspective of historical narratology - one of the prominent approaches in postclassical narratology - to clarify two aspects: 1) The journey of seeking war memories through the examination of forgotten narrators, thereby exposing the brutal realities of the Border War and its lingering echoes in the chaotic contemporary life; 2) The structure of trauma in *Minh và họ* through the analysis of misunderstood violence. From here, the writing considers *telling* and *showing* the war realities, as reflected between individual and communicative consciousness, and national history to recognize the unique style of writer Nguyễn Bình Phương.

Keywords: war literature, Nguyen Binh Phuong, *Minh và họ* [Us and Them], historical narratology.

**NHỮNG LŨY ĐÁ BÁT TỬ TRÊN
MẢNH ĐẤT BIÊN CƯƠNG: MỘT KIỂU
TỰ SỰ LỊCH SỬ TRONG
TIỂU THUYẾT *MINH VÀ HỌ*
CỦA NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG**

Cao Kim Lan

*Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã
hội Việt Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Cao Kim Lan,
e-mail: caokimlanvvh@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/2/2025.
Ngày sửa bài: 25/2/2025.
Ngày nhận đăng: 27/2/2025.

Tóm tắt. Nền văn học chiến tranh Việt Nam được định hình và chứng thực với nhiều phong cách và tài năng khác nhau. Đến Nguyễn Bình Phương, những hư cấu lịch sử tiếp tục dòng chảy đó trong một bối cảnh và lối kể hoàn toàn khác. Cuộc chiến tranh biên giới hiện diện trong sự xô bồ, lắt léo và phai nhạt nhiều giá trị của cuộc sống hậu chiến, tuy nhiên, *Minh và họ* vẫn nhắc chúng ta về một lịch sử không thể nào quên, một quá khứ vẫn đang neo giữ tinh thần dân tộc. Bài viết khảo sát tiểu thuyết này của Nguyễn Bình Phương từ góc nhìn tự sự học lịch sử - một trong những khuynh hướng tiếp cận nổi trội của tự sự học hậu kinh điển nhằm làm sáng rõ hai khía cạnh sau: 1) Hành trình tìm lại kí ức chiến tranh qua việc phân tích kiểu người kể chuyện bị bỏ quên, từ đó phơi bày hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh biên giới cùng những dư âm của nó trong dòng đời xô bồ đương đại; 2) Nhận diện kiểu cấu trúc chấn thương trong *Minh và họ* qua việc phân tích tình trạng bạo lực không được thấu hiểu. Từ đây, bài viết xem xét việc *kể* (*telling*) và *trình hiện* (*showing*) về hiện thực chiến tranh trong sự soi chiếu giữa tâm thức cá nhân với cộng đồng và lịch sử dân tộc để nhận ra phong cách riêng của nhà văn Nguyễn Bình Phương.

Từ khóa: văn học chiến tranh, Nguyễn Bình Phương, *Minh và họ*, tự sự học lịch sử.

1. Mở đầu

“*Lửa đã cháy và máu đã đổ, trên khắp dải biên cương*” (Phạm Tuyên)

“*Sống bám đá đánh giặc, chết hóa đá bất tử*” (Trương Quý Hải)

Ngày 27.2.1972, cái bắt tay lịch sử giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa với “Thông cáo chung Thượng Hải” đã làm thay đổi cơ bản cục diện chính trị thế giới, trong đó có các vấn đề khu vực, điển hình là vấn đề Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia). Thực tế, để có “Thông cáo chung” này giữa Mỹ và Trung đã có những cuộc gặp gỡ bí mật từ tháng 7.1971 với một sứ mệnh đặc biệt có mã là “Chiến dịch Marco Polo” với những trao đổi về vấn đề chiến tranh Việt Nam và eo biển Đài Loan. Ông Chu Ân Lai còn nhấn mạnh Trung Quốc không có tham vọng trở thành một siêu cường cạnh tranh với Mỹ - như một cách phản hồi việc Tổng thống Nixon trước đó vừa có bài phát biểu dự báo Trung Quốc sẽ trở thành một siêu cường của thế giới. Bên cạnh đó, Bắc Kinh cũng gửi đi thông điệp sẵn sàng phối hợp cùng Washington để đối phó với Moscow [1]. Ở Việt Nam, sau khi thống nhất đất nước (ngày 30.4.1975), khi chúng ta vẫn còn đang hân hoan trước một viễn cảnh của một kỉ nguyên độc lập và tự chủ thì “những bóng mây đen của chiến tranh một lần nữa lại tích tụ ở hai đầu đất nước” [2; 6]. Và như một hệ quả tất yếu sau hàng loạt những động thái gây hấn và tuyên bố ngoại giao căng thẳng từ phía Trung Quốc, ngày 17/2/1979, súng đã nổ trên khắp dải biên cương phía Bắc của Tổ quốc, kéo dài từ 1979 đến 1989.

Hơn 40 năm đã trôi qua, có lẽ đây là cuộc chiến ít được nhắc đến nhất trong quan hệ ngoại giao của Việt Nam. Nhưng những mất mát, đau thương, sự khốc liệt và dữ dội của nó vẫn ghim chặt trong kí ức mỗi người dân Việt. Trên thực tế, không có bất kì cuốn sách hay nghiên cứu nào có thể bao quát hết toàn bộ cuộc chiến đó, và nó sẽ mãi là đề tài bất tận như bất cứ cuộc chiến tranh nào mà dân tộc Việt Nam đã phải gồng mình lên chiến đấu để bảo vệ chủ quyền. Hiện diện với tư cách những thế hệ hậu sinh, bất cứ ai cũng ý thức được rằng, bất kì một sự *viết* nào, dù không thể bao quát trọn vẹn, song sẽ góp phần nhỏ bé lấp đi những khoảng trống trong dòng kí ức đau thương và hào hùng ấy của dân tộc. Thời gian không thể làm suy chuyển sự thật và bản chất của lịch sử. Và đối với mỗi người dân Việt Nam, “lịch sử cần được nhìn nhận và ghi nhớ, không phải nhen lên thù hận dân tộc, mà để xây đắp cho ước vọng hòa bình” [2; 9]. Tinh thần đó sẽ giúp mỗi chúng ta hiểu được giá trị của hòa bình trong hiện tại và sự thiêng liêng của chủ quyền dân tộc.

Viết về cuộc chiến tranh biên giới dường như là một vùng cấm, một chủ đề nhạy cảm trong một thời gian khá dài vì nhiều lí do, và có lẽ Nguyễn Bình Phương là người tiên phong. Không biết có phải vì thế, ông đã kết cấu nó theo một cách thức rất lạ, rất đặc biệt. Tuy nhiên, *Mình và họ* vẫn có một số phận khá thăng trầm. Trước khi được xuất bản ở trong nước, bản thảo tác phẩm đã đi một chặng đường khá xa từ Hà Nội sang tận Nam California đến với cộng đồng độc giả người Việt. Sau khi được *Diễn đàn Thế kỉ* xuất bản tháng 12 năm 2011 với tên gọi *Xe lên xe xuống*, sau đó Nxb. Trẻ mới xuất bản năm 2014 với tên gọi *Mình và họ* [3]. Tác phẩm ngay lập tức nhận được sự quan tâm, chú ý của độc giả và giới nghiên cứu, phê bình trong và ngoài nước. Cuốn tiểu thuyết được đánh giá là “tiểu thuyết của các tiểu thuyết” [4], và đối với Bảo Ninh, ông thú nhận: một cuốn sách “hoàn toàn chế ngự tôi” [5].

Thực tế, tiểu thuyết *Mình và họ* hoàn toàn có thể được giải mã từ nhiều góc độ và hệ quy chiếu khác nhau. Đó có thể là một hiện thực xô bồ, nhồn nháo của đời sống đương đại, có thể là một cuốn sách viết về tội phạm, hay là một tác phẩm thuộc dòng văn học chiến tranh. Trong tiểu thuyết, tác giả kiến tạo một kết cấu song trùng với nhiều câu chuyện, nhiều vấn đề của đời sống nhân sinh với dày đặc những trạng huống phức tạp đối lập: yêu thương và lầm lạc, mơ mộng và thực tế, bạo lực và tội lỗi, ý thức và vô thức, thiện và ác. Với lối tự sự đa điểm nhìn, đa chủ thể, nhà văn tạo nên một cấu trúc mạng lưới chằng chịt với dày đặc thông điệp. Đọc *Mình và họ*, lúc đầu độc giả có thể sẽ có cảm tưởng như rơi vào mê cung với nhiều tuyến truyện đan xen, giăng mắc phức tạp, anh ta như bị ghim chặt vào đó không dứt ra được, hoặc chỉ cần xao lãng sẽ bị tuột mất mạch truyện như chuyến xe lao xuống vực. Theo Nguyễn Bình Phương, kĩ thuật viết của ông

ở *Minh và họ* so với các tác phẩm trước, “căn bản” là vẫn thế, “có khác là ở chỗ các cuốn trước ít có sự di chuyển, còn cuốn này thì bản chất là di chuyển, luôn luôn di chuyển lên xuống”, và ông “cố gắng viết như một dạng du kí với các chi tiết cũng cố gắng tỏ ra... thật hơn cho khớp với tính chất đó. Tóm lại là một kẻ ảo kể một câu chuyện cực thật” [5].

Nếu với tên gọi *Xe lên xe xuống*, thông điệp ở đây cho phép độc giả tự do trải rộng hơn hình dung của họ với vô số chuyện xảy ra trên hành trình *lên* và *xuống*. Tuy nhiên, khi giới hạn nhan đề ở *Minh và họ*, những chi đấu về cuộc chiến tranh biên giới sẽ trở nên rõ rệt và nổi trội hơn mặc dù Nguyễn Bình Phương từng chia sẻ:

“Tác phẩm này của tôi đúng là chỉ hé mở, chứ trọng tâm chưa hẳn là đổ dồn về chủ đề ấy. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc đã có người viết, thậm chí nhiều người là đồng khác, và sẽ còn nhiều nhà văn nữa quan tâm để viết tiếp. Điều ấy là hiển nhiên vì đây cũng chỉ là một chủ đề như bao chủ đề khác, bởi sự kiện đã xảy ra và đã là một phần không thể tẩy xóa của lịch sử giữ nước. Vấn đề ở chỗ cách khai thác, cách xử lí và mục đích của mỗi nhà văn khi viết về chủ đề này thế nào mới là quan trọng” [5].

Trên thực tế, dòng văn học chiến tranh Việt Nam đã được định hình và chứng thực với một loạt tên tuổi hàng đầu như Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Chu Lai, hay Bảo Ninh... Mỗi người khắc sâu trong kí ức độc giả với một phong cách và tài năng khác nhau. Tuy nhiên, đến Nguyễn Bình Phương, chiến tranh sống dậy trong một bối cảnh và một lối kể hoàn toàn khác [17]-[20]. Chiến thắng hay những mất mát hiện hữu ngạo nghễ ở thời bình theo một cách tưởng chừng méo mó và dị biệt nhưng chân thực một cách đau đớn. Và ở *Minh và họ* là thế. Lịch sử của cuộc chiến tranh biên giới hiện diện trong chính dòng chảy xô bồ, lắt léo và phai nhạt nhiều giá trị của cuộc sống hậu chiến. Trong mạch truyện về chiến tranh ở tiểu thuyết này, tất cả vẫn sống động, bông rạt và đau đớn nhưng cuộn siết, gắn chặt với từng chi tiết, từng biến động của nhịp sống đương đại làm thành một bản hòa tấu kì dị nhưng vô cùng hấp dẫn. *Minh và họ* nhắc chúng ta về một lịch sử không thể nào quên, một quá khứ vẫn đang neo giữ tinh thần dân tộc và buộc chúng ta phải biết để hiểu chúng ta là ai. Bài viết sẽ khảo sát tiểu thuyết này của Nguyễn Bình Phương từ góc nhìn tự sự học lịch sử - một trong những khuynh hướng tiếp cận nổi trội của tự sự học hậu kinh điển nhằm làm sáng rõ hai khía cạnh: 1) Hành trình tìm lại kí ức chiến tranh qua việc phân tích kiểu người kể chuyện bị bỏ quên, từ đó phô bày hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh biên giới cùng những dư âm của nó trong dòng đời xô bồ đương đại; 2) Nhận diện kiểu cấu trúc chấn thương trong *Minh và họ* qua việc phân tích *trình trạng bạo lực không được thấu hiểu*. Từ đây, bài viết xem xét việc *kể (telling)* và *trình hiện (showing)* về hiện thực chiến tranh trong sự soi chiếu giữa tâm thức cá nhân với cộng đồng và lịch sử dân tộc để nhận ra phong cách riêng của nhà văn Nguyễn Bình Phương, hướng tới hành trình đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Chúng ta là ai? Trên mảnh đất nhiều đau thương này chiến tranh thực sự đã để lại điều gì sau những khốc liệt quay quắt và tàn bạo của nó? Chiến thắng về vang hay những nỗi đau lặng lẽ, bất tận cho chúng ta nhận ra điều gì về các giá trị người và tính nhân văn của nó?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tự sự học lịch sử - con đường đi tìm sự thật trong truyện kể hư cấu và sử học

Sự tương giao và kết nối giữa tự sự hư cấu và lịch sử dường như không quá bất ngờ khi người ta nhìn lại quan niệm văn - sử - triết bất phân trong lịch sử nghiên cứu của các lĩnh vực này. Tuy nhiên, sự giao cắt và kết nối ở giai đoạn hậu kinh điển của tự sự học thực sự đã tạo ra một bước ngoặt cho cả hai ngành nghiên cứu: tự sự học và sử học. Trong bối cảnh mở rộng ranh giới giữa hai lĩnh vực có nhiều khác biệt, với xu hướng hợp nhất với các ngành nhân văn khác và không bó hẹp trong phương pháp tiếp cận nội văn bản văn chương, tự sự học lịch sử dựa trên nền tảng cấu trúc luận và sử học đã bắt đầu nghiên cứu văn chương trong bối cảnh lịch sử cụ thể với các tri thức của một ngành khoa học về sự thật nhằm tìm ra những cách diễn giải mới đối với những hư

câu lịch sử. Mặt khác, nhìn nhận lịch sử như một thực thể ngôn ngữ thay vì một lĩnh vực tri thức khoa học, các nhà tự sự học lịch sử cho rằng, lịch sử mang bản chất của tự sự, sẽ không khác biệt nếu so với văn xuôi hư cấu. Như thế, bằng cách phá bỏ đối lập nhị nguyên truyền thống giữa sử học và văn học, tự sự học lịch sử nhấn mạnh bản chất tự sự và bản chất hư cấu của các văn bản lịch sử, từ đó mở đường cho những cách diễn giải mới về lịch sử, một lĩnh vực vốn được coi là đặc quyền trong những phát ngôn về sự thật [6] [7; 168-209].

Dựa trên nền tảng của quan điểm đẩy lịch sử ra khỏi lãnh địa khoa học, đặt nó vào đường biên giữa văn học và khoa học, văn bản lịch sử được nghiên cứu trước hết như một ngôn ngữ. Việc tái xác lập lịch sử trước hết là một loại diễn ngôn đã tạo ra một hệ quy chiếu mới đối với văn bản lịch sử. Thay vì quy chiếu đến một thực tại vật chất trong quá khứ vốn không thể đo đạc, kiểm chứng, giờ đây văn bản lịch sử được xem xét như một lịch sử mang bản chất kiến tạo, được quy chiếu trong mạng lưới ngôn từ. Và như thế, tính tự sự trong các văn bản sử sẽ góp phần lí giải và cấp nghĩa cho các sự kiện của quá khứ [8] [9] [10]. Việc nhận ra những yếu tố cấu trúc tự sự trong những mô tả về quá khứ cho phép người đọc hình dung về những mã lịch sử theo một cách nào đó. Thông qua việc giải mã những mô hình cấu trúc tự sự đó, người ta có thể nhận ra tham vọng giải thích lịch sử của những sử gia, làm lộ diện những che giấu lịch sử dưới tấm mặt nạ khách quan, bóc trần những thiên kiến cá nhân qua những khảo sát điểm nhìn các sự kiện của sử gia. Thậm chí, bản chất của thời đại, quy luật của lịch sử, những biến chuyển của xã hội, hệ tư tưởng cũng sẽ được xem xét lại. Ở đó, các nhà tự sự học lịch sử đã sử dụng những thủ pháp phân tích văn bản văn chương để tiếp cận với một đối tượng vốn được coi là chính xác và khoa học để không chỉ tìm kiếm những giá trị mới của sử học mà còn mở ra con đường mới cho nghiên cứu văn chương nói chung và tiểu thuyết lịch sử nói riêng. Ngược lại, đứng trước một tác phẩm hư cấu lịch sử, ngoài việc tìm kiếm và khái quát tư tưởng của nhà văn, các sự kiện trong thế giới hư cấu giờ đây không chỉ được soi chiếu và đặt trong logic vận động nội tại của tác phẩm mà còn cần được nhìn nhận như một loại “sự thật” [7; 168-209].

Như thế, văn bản lịch sử và tự sự lịch sử văn chương dường như tìm được tiếng nói chung. Người ta nhận ra sự khớp nối quan trọng giữa hai lĩnh vực, và ở đó, trong mỗi tác phẩm văn chương, lịch sử không chỉ gắn với một tư tưởng nhất định của con người mà còn góp phần *trình hiện* một sự thật. Còn trong mỗi công trình sử học, tư liệu lịch sử chắc chắn cũng sẽ luôn hiện hữu trong một tư tưởng nào đó trước cái gọi là “sự thật”. Tôi muốn nhắc đến điều này như một nền tảng cơ sở cho những triển khai, đánh giá dưới đây khi đặt tiểu thuyết *Mình và họ* của Nguyễn Bình Phương trong sự so sánh với một số tư liệu lịch sử về một thời điểm lịch sử quan trọng của Việt Nam.

2.2. Hành trình tìm lại kí ức chiến tranh: “Lũy đá bất tử” trong tâm thức những người kể chuyện bị bỏ quên lạc loài giữa thời bình

“Sống bám đá đánh giặc, chết hóa đá bất tử” dường như đã trở thành biểu tượng tinh thần khi nói đến cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc. Tuy nhiên, như đã nói, trong dòng chảy lịch sử của dân tộc Việt Nam, đó lại là một cuộc chiến dường như ít được nhắc đến nhất. Bài viết không chủ đích đi tìm lí do cho sự vô tình hoặc chủ ý/cố tình lãng quên đó. Chỉ biết rằng, sẽ chẳng có bất cứ điều gì có thể che khuất hoặc tẩy trắng những trang sử khi chúng ta đối diện với “sự thật” và cũng sẽ chẳng có bất kì công trình nào có thể tái hiện được hoàn toàn “sự thật” đau thương và bị tráng ấy trong dòng lịch sử của dân tộc. Bởi máu xương khi chỉ còn linh hồn, sẽ trở thành bất tử, tất cả hòa vào từng tấc đất biên cương của Tổ Quốc thiêng liêng.

Là cuốn tiểu thuyết gồm ba câu chuyện được lồng vào nhau trong không gian của những người đang đi lên và đi xuống. Giữa những chuyến đi đó là hồi ức của những người đã tham gia trực tiếp những trận chiến đầu tháng 2.1979 tại vùng biên giới Hà Giang, với những ám ảnh khôn nguôi về cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc trên những mỏm núi địa đầu. Chuyến đi lên là chuyến của người em trai người tù binh lần tìm dấu vết bước chân hành quân anh mình đã trải qua, và chuyến đi xuống là chuyến đi của những người bị áp giải vì bị nghi có liên can trong vụ án giết

người. Nhà văn đã kể về chiến tranh theo một kết cấu kì lạ như thế, trong một mạch truyện ngẫu nhiên và khá rời rạc. Chiến tranh chỉ là một phần trong vô vàn những mối quan tâm khác của con người ở đời sống hiện tại: công việc, kí ức, tình dục, sự đố kỵ, ghen tuông, thù hận, lừa lọc, trừng phạt, mơ mộng, hư danh, đôi chác của hàng loạt các nhân vật khác nhau, từ trí thức đến những kẻ lưu manh, từ những kẻ bản hàn đến những cái tên mang quyền lực, có thể có tên hoặc không có tên, trải dài suốt hành trình chuyến xe lên và xuống. Tuy nhiên, những câu chuyện về chiến tranh vẫn cứ len lỏi suốt hành trình lên và xuống như một miền ám ảnh day dứt. Nhưng đó là những ám ảnh có chủ đích. Ở kết cấu bề mặt, ở cả chiều lên và xuống, người kể chuyện xưng *minh* đi lại con đường mà người anh đã từng in dấu chân trên đó để hiểu về những gì anh đã trải qua ở cả thời chiến và thời bình.

Như thế, *Minh và họ* là một hành trình có chủ đích đi tìm những kí ức chiến tranh - một cuộc chiến mà người anh của Hiếu (người thương binh chống Tàu) đã trải qua. Theo kết cấu tiểu thuyết, chúng ta có thể nhận ra có ít nhất ba mạch truyện song song, đan cài nhiều chủ đề khác nhau trong dòng chảy của quá khứ và hiện tại, giữa các ranh giới thực và mộng. Ở đó hiện diện nhiều vấn đề, từ cuộc sống nhồn nháo xô bồ của đời sống hiện đại, tình yêu, tình dục, tội ác, bạo lực và cả sự bao dung và tha mộng, v.v... Tuy nhiên, giữa làn sương dày đặc giăng mắc đủ thứ hi vọng ái ó áy của đời thường, những dòng viết về quá khứ, về những bóng ma, về *họ* (những kẻ xâm lược) và *minh* (những người tham chiến để bảo vệ từng tấc đất của Tổ Quốc) vẫn là những trang viết ám ảnh. Chiến tranh hiện diện trong kí ức của những người đã từng sống những ngày đau thương, trong sự lạc loài và cô đơn của những “anh hùng” chiến trận thuở nào, trong cái buồn thất ruột, day dứt của những người đồng đội còn lại, và hơn hết là trong sự bi thảm của những con người không thể thoát khỏi “vũng lầy” của cuộc chiến và tồn tại như một kẻ tâm thần (người cựu binh thương binh chống Tàu).

Kể về chiến tranh theo một cách hoàn toàn lạ lùng, *Minh và họ* không làm thỏa mãn thói hiếu kì của những ai muốn đi tìm “bằng chứng” khốc liệt của chiến trường một cách trực diện như những thước phim với hình ảnh sống động cùng hiệu ứng gây shock. Ở đó hoàn toàn là những kí ức đứt đoạn, những câu chuyện chỉ chực rơi tòm vào quên lãng hay trôi trong dòng chảy xô bồ của đời sống đương đại với đủ những âm thanh nhồn nháo. Nguyễn Bình Phương đã để chiến tranh hiện diện theo đúng cái cách tồn tại ngẫu nhiên nhưng cực kì sinh động và “chân thực” của *đời sống* và của *trí nhớ* trong một thế giới bị phân mảnh. Kí ức hỗn loạn, rời rạc và chấp vá. Và để kể lại theo cấu trúc đó, nhà văn đã sử dụng *kiểu người kể chuyện bị bỏ quên*, lạc loài giữa thời bình.

Đọc theo chuyến xe lên và xuống, con đường mịt mù, thăm thẳm miền biên ải trở thành “huyết mạch” kết nối các sự kiện. Nguyễn Bình Phương đã nương theo cái trục ấy và để từng nhân vật, sự kiện hiện diện. Ở lớp cấu trúc thứ nhất, khi *minh* được hiểu là nhân vật *tôi* (Hiếu) và *họ* là cái thế giới đang hiện diện xung quanh anh, Nguyễn Bình Phương *trình hiện* một thế giới đầy rẫy những góc khuất u ám trong thế giới Người. Trong thế giới ấy, con người xô lệch giữa các giá trị nhân sinh, mọi chuẩn mực đường như bị đảo lộn, và rất nhiều ranh giới đã bị vượt qua. Hoàn toàn chẳng có tín hiệu nào thực sự tồn tại. Ở trong cái bầu “khí quyển” ấy, tất yếu chiến tranh cùng “niềm tin” hay sự xả thân vì nghĩa lớn sẽ rất dễ trở nên lạc lõng. Và cũng vì thế, chỉ ở lớp cấu trúc thứ hai, kí ức chiến tranh mới hiện diện, trong chủ ý kiếm tìm của người em một cựu binh tâm thần - một con người hoang hoải thời hiện đại. Tìm để thấu hiểu. Từ đây, những kí ức chiến tranh mới dần lộ diện. Nhưng thực sự, đó cũng chỉ là những “mảnh” kí ức nhỏ nhoi, chỉ được kể, được hé lộ trong những tình huống khác thường gắn với rượu và buồn: *Kí ức của những kẻ bị bỏ quên*.

Đó là *lời* của người cậu đã từng tham chiến khi ông đã uống rất nhiều rượu, rượu giúp ông nhớ lại và “dám” chia sẻ những câu chuyện về phi và về Tàu, với “nụ cười hiền khô” cùng tâm trạng “buồn”, lẻ loi và cô độc. Thậm chí, nói về chiến công cũng vẫn cái giọng “biết buồn” nhẹ bằng ấy: “Tao với lão ấy chặn bọn Tàu ở đây. Chỉ tao với lão ấy thôi. Hai ngày hai đêm không thắng nào qua được” [3; 60]. Và ông thú nhận, khi nào buồn “lại mang rượu lên đây ngồi uống

một mình” [3; 60]. Những câu chuyện chiến tranh như những góc tối đầy ám ảnh, chỉ được nhắc lại khi có rượu, bởi với họ, chiến tranh chỉ “toàn giết với chóc, có gì hay mà nghe” [3; 61].

Mặc dù nhận thức rằng “làm chó gì có sự tử tế giữa hai quốc gia. Toàn thổ phi cả” [3; 52], nhưng đối với những người đã từng tham chiến, khi chiến tranh kết thúc, buông súng để trở về với cuộc sống thường nhật, thì cuộc chiến đó “chẳng khác gì việc xích mích với hàng xóm. Thi thoảng đụng nhau vậy rồi lại quên đi, buồn buồn thì gọi nhau sang uống chén rượu”. [3; 52] Tuy nhiên, điều đang nói, trong dòng kể của Nguyễn Bình Phương, những dòng kí ức ấy không ngẫu nhiên trở về. Cứ như những nỗi đau buộc phải giấu kín, chỉ những kẻ đồng điệu và có chung niềm đau tự tìm đến nhau. Vì thế mới có những cuộc chuyện trò thâm trầm, rì rầm, u tối, hoang hoải của những người cựu binh trong căn nhà vắng giữa núi rừng mịt mù. Họ là đám cựu binh của thị trấn, “những người từng cầm súng cuộc Bảy chín và Tám tư. Trong tám người ấy, có hai đặc công, một trinh sát, một lái xe, còn lại là bộ binh. Tính cả cậu nữa thì bộ binh có năm người.” [3; 82] Họ vừa uống vừa “rủ rì”. “Câu chuyện của họ nhảy cóc từ hiện tại sang quá khứ, rồi lại về hiện tại, sau đó thì lạc qua cả bên kia” [3; 82]. Có điều họ không chông chéo lên nhau mà người nọ tôn trọng lắng nghe người kia.

Chúng ta biết rằng, bất cứ một truyện kể nào cũng phải có người kể chuyện và người kể chuyện chính là “công cụ” đặc lực của nhà văn, thể hiện kĩ thuật và tư tưởng của anh ta [11], tuy nhiên, điều này đã không còn giới hạn ở truyện kể hư cấu, các nhà sử học cũng vẫn đã và đang sử dụng những thủ pháp của tự sự học để tái hiện lịch sử [12] [6] [7]. Lịch sử được coi là sự thật bởi người ta cho rằng sử gia là những người ghi chép sự thật. Tuy nhiên, cái gọi người kể chuyện sử gia có thực sự đáng tin cậy như chúng ta vẫn tưởng tượng về họ? Câu trả lời là không có gì hoàn toàn chắc chắn. Lịch sử, dù là chính sử hay dã sử, chắc chắn cũng sẽ bị nghiêng lệch ít nhiều tùy thuộc vào người kể là ai. Vì thế, trong *Mình và họ*, mặc dù ở lớp cấu trúc thứ nhất, tác giả để người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng *mình* chưa từng trải qua những năm tháng chiến trận nhưng chính những day dứt buốt lịm về người anh đã thôi thúc người em đi tìm kiếm sự thật, và trở thành kẻ dẫn dắt câu chuyện, là nguyên nhân để những câu chuyện về chiến tranh có cơ hội được phô bày. Tác giả đã khéo léo để tất cả được lộ diện ở lớp cấu trúc thứ hai với rất nhiều người kể chuyện nhân chứng chiến tranh. Từ đây, những lời kể đó cũng có thể là một dạng bằng chứng, một kiểu tư liệu lịch sử.

Trong thế giới hỗn loạn khó lường của con người và trong cái mệnh mông hoang hoải mịt mù của núi rừng, gương mặt chiến tranh dần lộ diện qua những câu chuyện đứt đoạn của những người đã từng tham chiến - những con người dường như bị bỏ quên ở hiện tại. Ở đó, sự thật chỉ được hé lộ trong những bối cảnh cực kì riêng tư (trong cuộc chuyện trò cùng với rượu của hai cậu cháu, trong những kỉ niệm giữa hai anh em, trong những cuộc gặp của các cựu binh giữa núi rừng thâm u trong đêm...). Từ đây, gương mặt chiến tranh hiện lên từ những mảnh ghép rời rạc trong *lời kể* của những người bị bỏ quên lạc loài giữa thời bình lại trở thành một hiện thực khốc liệt với những mất mát và nỗi đau bất tận. Nó trở thành dòng chảy ngầm, âm ỉ khoét sâu đến tận cùng tâm thức con người trong dòng đời xô bồ đương đại.

Day dứt suốt thiên truyện, và ở lớp cấu trúc thứ hai, chính là lời kể của người anh (một thương binh chống Tàu) nói với em trai. Hiện hữu như một nhân chứng, nhưng đó lại là một chứng nhân không thể nào thoát khỏi cái bóng của chiến tranh. Lúc nào dường như cũng có một “mảnh linh hồn màu xanh nhạt vẫn lơ lơ vẫn vẫn phía trước” [3; 172], anh sống phiêu du, mông mị giữa thực tại và quá khứ, tất cả cứ trộn lẫn một cách oan nghiệt trong sự ám ảnh: “Không chơi với bọn Khựa được đâu” [3; 172] và để rồi, từng mảnh kí ức cứ lặng lẽ trở về:

“Tao đã từng khóc ở thung lũng oan khuất”

“Mày biết vì sao gọi là thung lũng oan khuất không? Vì cuộc đầu tiên có đến hàng trăm người cả dân lẫn lính mình bị chúng nó bắt được và đem đi phanh thây. Sau đó một đoàn dân binh mò vào lấy đồ thì bị pháo của mình đập, chết sạch. Từ đây mới có tên là thung lũng oan khuất” [3; 180].

Không chỉ có thể, khốc liệt và đau thương cũng được kể lại như lại chứng tích với cái giọng đều đều, xa ngái:

“Chỗ này đại đội của anh đã quần nhau với họ năm ngày trời. Quân cứ bỏ sung thun thút như dóc cát xuống hang. Ngày cuối cùng, tức ngày thứ sáu, thì cả đại đội chỉ còn lại có sáu mống” [3; 177].

“Nhìn cái hùng hoắm kia không? Chín người bị chôn sống ở đây đấy... - chín em trong đội văn nghệ quân đội bị bắt rồi bị đem chôn sống dạo đầu tháng Hai” [3; 185].

“Cổng trời. Năm ấy tại đây đại quân của họ bị một trung đội dân quân tự vệ ta cầm chân mất hai ngày không nhích lên được. Cánh thám báo luôn sang phía Đông, tìm thấy một khe núi và đã đặt côi cá nhân câu từ đó sang Cổng trời. Cả trung đội dân quân tự vệ chết không còn một ai và đạo quân lớn của họ lại rầm rập vượt lên, sau đó từ Cổng trời đổ tràn xuống như một dòng lũ ngao mạn, khinh khi. Đó là lúc cả nước nôn nao, phấp phồng” [3; 186].

Trên chuyến xe lên và xuống, dọc theo con đường là từng câu chuyện kể, tuy nhiên, có một điểm dường như không hề thay đổi là kể về quân xâm lược, bắt kể người kể là ai, sẽ luôn định danh: *họ* (một đại từ nhân xưng cực kì trung tính, không biểu lộ cảm xúc). Từ đây, những lời kể về sự khốc liệt, về đau thương và mất mát mà cứ như kể về những kí ức xa xôi, nhẹ bẫng. Lối kể lạ lùng ấy giấu kín cảm xúc.

Tuy nhiên, dù với giọng nào, từ điểm nhìn nào thì đau đớn và tang thương vẫn cứ hiện hữu. Những “ma trận đá” đây “tang tóc và tiêm ả cảm giác chết chóc” [3; 187] sẽ vẫn là nỗi đau không thể hóa giải. “Lịch sử sông Nho Quế có hai lần ngẫu máu. Lần thứ nhất vào năm một nghìn bảy trăm sáu bảy... - Bảy chín sông này lại đổ” [3; 130].

Như thế, ở lớp cấp trúc thứ hai, với lời kể của những người lính, *Minh và họ* không chỉ là một sự “hé mở” (NBP) về cuộc chiến tranh biên giới như tác giả đã nói. Trong bản tổng pho ghim chặt toàn những gam trầm buồn, những câu chuyện chiến thắng cũng chẳng thấy âm sắc nào của sự hân hoan, lời kể nhẹ bẫng, thậm chí chỉ là thêm vào những sắc màu u ám cho không gian xung quanh:

Mọi thứ cứ mờ mờ ảo ảo như cõi âm:

“Hôm nào trở trời thì ma kêu nhiều, tiếng kêu giống như tiếng mèo động tình, lạnh lói, rợn gáy. Những người đàn ông đi săn đêm hay gặp ma, chúng quần lại thành từng đám, trôi dạt vật vờ. Cũng có những con ma hung hãn, thù hận chuyên rình cơ hội để lồi người sống xuống vực. Từ ngày chấm dứt trận chiến, người ta phát hiện ra khu vực dốc này hay xảy ra tai nạn thảm khốc... [3; 210].

“Núi Bạc tổn máu như núi Đất. Pháo của họ đã nã nát như ngọn núi không lấy gì làm cao ấy, đào xới tung nó lên đến cả nửa ngày trời, sau đó mới cho bộ binh dùng súng phun lửa và hơi cay lao lên. Núi Bạc không có những trận giáp lá cà kinh hoàng đến mức những ai còn sống sót sau trận ấy, dù ta hay họ đều hóa điên như ở núi Đất, nhưng lại đây rầy những huyền thoại về các linh hồn” [3; 246].

Mất mát, đau đớn nhưng mọi việc khi nhìn qua lăng kính của những người đã trải qua những điều tàn khốc của chiến tranh và đang dần bị lãng quên, mọi thứ lại chỉ như một cuộc “va chạm”. Những đốn đau bất giác cứ phải coi nhẹ bẫng.

Vậy là với lối kể đan xen giữa quá khứ và hiện tại, thực và ảo, trong dòng chảy xô bồ với vô vàn sự kiện của cuộc sống hiện tại, kí ức chiến tranh lặng lẽ hiện diện trong bức tranh hậu chiến với những giọng nói trầm lắng, âm u. Bởi họ, những người đang kể lại câu chuyện quá khứ, ý thức được mình là những kẻ đã bị lãng quên, lạc loài trong nhịp sống hiện tại. Theo sự di chuyển *lên* và *xuống* của nhân vật ở lớp cấu trúc thứ nhất, gương mặt chiến tranh dần lộ diện theo một cách thức cực kì rời rạc, lỏng lẻo, ngẫu nhiên. Những người kể lại, ở lớp cấu trúc thứ hai, kí ức của họ cũng bị bào mòn, nhuốm đầy sự hoang hoải, chân chất của núi rừng. Rải rác, vụn vặt, nhưng chỉ cần kết nối những mảnh ghép đó lại theo một cách thức nhất định, mọi thứ lập tức trở nên rõ ràng và sắc nét một cách đáng sợ. Chiến tranh hiện hữu như một khúc bi tráng không thể và không được phép quên lãng của lịch sử. Kể về một cuộc chiến từ góc nhìn của những người bị

quên lãng nên *lời* của họ không mang dáng vẻ bị thương sôi sục và khốc liệt mà cứ chỉ như một cuộc “va chạm” với “người hàng xóm”. Chỉ có điều, ở *Minh và họ*, nếu “gom” lại tất cả những mất mát từ sự “va chạm” đó người đọc mới thấm thía sự tàn khốc của chiến tranh và xót xa trước những mất mát. Sự thờ ơ lãng quên của hiện tại càng khiến những người đã từng tham chiến còn sống co lại, tổn thương, “cô đơn”, “buồn” và day dứt về những điều không thể bày tỏ.

Như thế, trong truyện kể của Nguyễn Bình Phương mỗi lời kể bị chi phối rất lớn bởi “vị thế” bị lãng quên của những người kể - nhân chứng, ở đó, sự thật có thể bị trượt đi, hoặc nhuốm màu tâm trạng, hoặc bị khúc xạ theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác, vẫn cuộc chiến tranh đó, khi được ghi chép lại vào thời điểm những năm đầu của thập kỉ thứ hai của thế kỉ XXI, những âm sắc khác nhau lộ rõ. Trong cuốn tư liệu *Những mảnh kí ức 1979-1989, chuyện kể từ biên giới phía Bắc* [13] (Ghi chép của Đào Thanh Huyền, Hà Hương, Phạm Hoài Thanh 2024). giọng kể trực tiếp và trực diện về những mất mát và ác liệt của cuộc chiến tranh biên giới là một minh chứng cho sự khác nhau này. Xuất bản sau *Minh và họ* 10 năm, những tư liệu lịch sử cũng được ghi lại từ các nhân chứng chiến tranh này hiện diện ở một vị thế “chủ động” hơn. Rõ ràng, đều là lời kể của *những người đã tham gia chiến tranh*, thời gian cũng đã lùi rất xa, nhưng cuộc chiến lại được mô tả trực diện và dường như còn dữ dội hơn. Ở bản chép sử này, lời kể tái hiện sự thực khốc liệt của cuộc chiến tranh Biên giới gắn với sự phân định rõ ràng trong cách gọi: *nó, tên Trung Quốc, kẻ thù, địch...* Không còn *minh và họ*, mà chỉ có *địch* và *ta*. Trong tư liệu lịch sử này, chiến tranh không có sự nhân nhượng. Bởi nhân nhượng có nghĩa là thương vong và chết chóc. Hãy lắng nghe một số *lời kể* dưới đây:

“Hôm ấy đất trời cứ sáng rực vì pháo *nó* bắt liên tục. Đến 5 giờ 30, *địch* bắt đầu tấn công. Tôi không bao giờ quên được những đợt xung phong tấn công của *giặc*, *chúng* như một đàn vịt, đông áp đảo” [13; 27].

“Khẩu đại liên nhả đạn như vãi, bắn suốt. Chúng tôi để cái mũ vào đầu súng, nhô lên, bay luôn cái mũ. Không thể chỉ viện nổi, cho nên mất cả một trung đội, sạch bách... (tr. 90)

“Trên đường rút, anh nào hy sinh cũng phải để lại để dân địa phương làm công tác liệt sĩ. Lúc *địch* chiếm được, *nó* gom người chết vào đốt hoặc cho xe tăng, máy ủi vào ủi một đồng xong nó lấp đất. Người chết thì dân có, bộ đội có, thanh niên xung phong lên trông rùng có” [13; 92].

Thậm chí đọc lại các tờ báo hồi đó - những năm 1979-80, cách gọi tên trực diện này hoàn toàn rất bình thường. Chẳng hạn *Thông tấn xã Việt Nam* đưa tin “Hàng trăm *tên Trung Quốc xâm lược* đi cướp phá đã bị đèn tội” [13; 61]. Như thế, tồn tại như một tác phẩm hư cấu, ngay từ cách gọi kẻ thù, *Minh và họ* chẳng có cái không khí hùng hực lửa đạn, bi tráng hay căm giận ngút trời. Sự khốc liệt chỉ như sóng ngầm len lỏi giữa chằng chịt những mối quan tâm khác nhau của con người. Ở thời điểm hiện tại, có người sẽ đặt câu hỏi, tại sao Nguyễn Bình Phương lại chọn cách viết đó? Vì không khí chính trị hay ngoại giao? Hay vì đó là cách nhìn về quá khứ và thông điệp riêng của chính nhà văn? Dù thế nào, thời gian cũng đã minh chứng, vào thời điểm cách đây hơn mười năm, và đến tận bây giờ, đó vẫn là cách kết cấu tối ưu và lạ lùng khi viết về một cuộc chiến ít được nhắc đến nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Thêm nữa, cách gọi *minh và họ*, thực sự gọi ra nhiều điều khi suy ngẫm về mối quan hệ giữa hai quốc gia có chung đường biên giới. Trong lịch sử ngàn năm giữa hai dân tộc, chúng ta sẽ nhìn nhận thế nào về mặt chính trị, ngoại giao và văn hóa? Nguyễn Bình Phương có lẽ không chỉ “hé mở” về một cuộc chiến mà có lẽ còn *hé mở* về mối quan hệ bang giao với chằng chịt những sự kiện trái chiều Việt Nam - Trung Hoa. *Minh và họ* mang âm hưởng hài hòa, giản đơn nhưng đáng sau sự hữu hảo đó, có lẽ đối với mỗi người dân Việt Nam, mối quan hệ ấy còn được xây trên những sinh mạng con người. Máu đã đổ trên từng tấc đất nơi biên cương Tô Quốc. Và cũng không ít lần chủ quyền dân tộc bị đe dọa. Dù thế nào, chúng ta cũng vẫn biết rằng, danh dự và sự tồn vong của một dân tộc sẽ không bao giờ mất đi. *Minh và họ* có thể là một cách nói giảm nói tránh, một mỹ từ trong quan hệ ngoại giao, cũng có thể là một cách nói khiến nhiều người ngoài những kí ức đau đớn hận thù. Tuy nhiên, bản chất của chiến tranh thì không bao giờ thay đổi. Đó

là đau thương và mất mát. Súng đạn chưa bao giờ nhân từ với bất kì ai. Đỉnh Tà Vàn, Núi Đát, Núi Bạc, Cổng trời..., hay Thung lũng oan khuất vẫn cứ ghim chặt trong kí ức và ngấm sâu trong từng thớ đất trên mảnh đất biên cương. Máu, hồn ma, những nỗi đau nén chặt âm ỉ hay bùng phát dữ dội vẫn in dấu trên đá hóa thành bất tử trên mảnh đất biên cương.

Đặt *Minh và họ* cạnh *Những mảnh kí ức 1979-1989* chúng ta có thể nhận thấy, dù là tác phẩm hư cấu hay tư liệu lịch sử, không ai, không một công trình nào có thể bao quát toàn bộ cuộc chiến, ở đây có thể gửi gắm một tư tưởng hay một thông điệp, ở kia có thể là tiếng nói tố cáo, hoặc là lời cảnh tỉnh chiến tranh vẫn sẽ mãi là khốc liệt và tàn bạo đến tận cùng với những nỗi đau bất tận.

2.3. Bao lực không được thấu hiểu: một kiểu cấu trúc chấn thương trong *Minh và họ*

“Ranh giới nào cũng hiểm nguy” (Nguyễn Bình Phương)

Dù ý thức của con người luôn bị/được quy chiếu hoặc bào mòn bởi rất nhiều diễn ngôn và giới hạn trong những tín hiệu, nhưng khi vượt thoát hoặc nằm ngoài dòng ý thức tỉnh táo ấy, hành vi vô thức của con người lại giúp chúng ta chứng thực một điều gì đó. Hiện thực nghiệt ngã của chiến tranh cũng vậy. Trong số những người lính đã từng tham chiến, những ai còn đủ tỉnh táo và bình tâm để sống một cuộc đời bình thường sau những khốc liệt, tàn sát, sau việc chứng kiến hoặc thực thi sự tàn bạo bởi con người hoàn toàn không có sự lựa chọn? Dường như đây sẽ là một câu hỏi mãi mãi không thể giải đáp đến tận cùng. Trong *Minh và họ*, nếu sự khốc liệt của chiến tranh có thể bị hòa lẫn giữa muôn vàn âm thanh xô bồ khác của cuộc sống hiện đại thì những chấn thương tinh thần của người lính giữa thời bình thực sự là vết cứa đau xót nhất, khắc sâu sự khốc liệt lạnh lùng của bom đạn.

Chúng ta biết rằng, đề cập đến đời sống tinh thần của con người và chấn thương chiến tranh là nói đến cuộc khủng hoảng của cái chết và cuộc khủng hoảng của sự sống - một vấn đề đã được nghiên cứu và thảo luận trong nhiều thập kỉ qua. Chấn thương được hiểu như một “trải nghiệm muộn màng” không phải là trốn chạy khỏi thực tế mà “thể hiện tác động không ngừng đối với cuộc sống của người sống sót” [14; 126]. Từ quan niệm này có thể nhìn lại cuộc chiến tranh biên giới cách đây hơn 40 năm. Ở *Minh và họ*, cùng với âm hưởng u ám trầm buồn trong lời kể của những chứng nhân vẫn đang sống lặng lẽ trong sự bao bọc của núi rừng là lời chứng cho sự hủy hoại tàn bạo của nó, thì hơn hết, hơn cả sự lặng lẽ ấy, ám ảnh suốt thiên truyện chính là đời sống và thân phận lạc loài xót xa của người cựu binh bị thương trong thế giới hiện tại.

Không giống như Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, tìm thấy thiên mệnh của mình khi trở về đó là *viết*, và *viết* như một liệu pháp chữa trị đời sống tinh thần của anh [15], người lính thương binh trong *Minh và họ* không tìm thấy bất cứ nào kết nối giữa hiện tại và quá khứ. Càng ngày anh càng lún sâu vào “vũng lầy” của cuộc chiến, cô độc giữa hiện tại và trở thành một kẻ tâm thần theo đúng nghĩa của y học – một căn bệnh dường như vô phương cứu chữa đối với trường hợp đặc biệt này.

Nhưng tại sao lại như vậy? Tại sao lại là anh?

Dory Laub đã bàn luận về cái gọi là “mệnh lệnh” khi nói đến chấn thương với “nhu cầu cần phải sống sót để kể lại câu chuyện của mình và nhu cầu cần phải kể lại câu chuyện của mình để sống sót” (dẫn theo Thornber) [14; 29]. Tuy nhiên, có lẽ không may mắn như nhiều người khác, dù sống sót trở về nhưng người cựu binh dường như đã rơi vào tình thế của kẻ mất tất cả: tình yêu, bạn bè, gia đình (vợ bỏ đi với người đàn ông khác, mẹ đi tù, nhà bị bán). Ai sẽ quan tâm đến những kí ức của anh? Ai là người có thể chia sẻ? Hiện diện trong truyện kể theo cái cách thức “khác thường” như thế, anh trở thành một kẻ lạc loài giữa cộng đồng, bị coi là tâm thần. Đơn giản bởi anh xa lạ và lạc lõng với hiện tại, hoàn toàn không thoát ra khỏi cuộc chiến. Và quan trọng nhất, anh *không được thấu hiểu!* Nỗi day dứt và những cố gắng “hiểu” anh chỉ ám ảnh người em khi đã chứng kiến cái chết khốn khổ của người thương binh chống Tàu này.

Nói về sự lắng nghe và thấu hiểu, về mặt lí thuyết, quan điểm của Laub gặp gỡ với Caruth khi bà rất “quan tâm đến những vấn đề về sự lắng nghe, sự biết và sự biểu hiện”... Thêm nữa, bà

quan tâm đến “không phải chỉ bạo lực của hành động gây ra chấn thương ấy, mà còn quan tâm cả đến sự không thể hiểu được về tác động của bạo lực ấy” [14; 125]. Thực tế, thấu hiểu là một câu chuyện cực kì khó. Đối với những người đã bị tổn thương về mặt tinh thần “nói một điều gì đó để an ủi họ” [14; 138] có lẽ sẽ là điều không thể. Vì thế, đối với những điều khủng khiếp đã xảy ra, chấn thương và những nạn nhân của nó sẽ “không lời lẽ nào đủ để miêu tả và an ủi những người bị chấn thương như thế” [14; 138]. Mắc kẹt trong tình thế ấy, cuộc sống thực tế của người lính thương binh dường như đã được định đoạt. Như thế, “tâm thần” không còn là một sự kiện bất ngờ nữa.

Tuy nhiên, quá trình biến anh thành “tâm thần” mới là câu hỏi day dứt, buộc những người còn sống phải có trách nhiệm với những gì đã xảy ra trong quá khứ. Bởi sau chiến tranh, không phải anh biến thành kẻ tâm thần ngay lập tức. Vẫn có lúc anh dường như tỉnh táo, phân biệt rõ ràng giữa hiện tại và quá khứ, lời anh kể rõ ràng khi nói với đứa em trai:

“Mày không hiểu, mày sẽ không hiểu cái cảm giác của kẻ bị bắt nó thế nào đâu. Tự dung mọi thứ trống trải ghê gớm, giống y như cái tối tao tập trung lên đường. Tối ấy cây quỳnh nhà mình nở đúng một trăm bông. Anh nhớ đúng không?” [3; 291].

Thậm chí anh vẫn có thể kể lại những rõ rệt những kí ức trong tâm khảm, anh hiểu mình đang sống ở hiện tại:

“Đọc đường, anh thấy rất nhiều hố pháo và xác chết mà không phân biệt được của ta hay họ. Anh viết rằng anh nhớ mãi cảnh một cánh tay vắt hờ lên miệng hố pháo, nó bị cắt rời ra từ thân thể nào đó và những ngón dây đầy máu co lại như lá xấu hổ khép cánh... Anh giật mình vì thấy bọn họ đông đến thế nào. Không khác gì đàn kiến chuyển tổ, lúc nhúc, lụ tụ, tay nọ va vào tay kia, súng đạn, đồ đạc linh tinh...” [3; 291].

Anh cũng nhớ và kể lại những cảnh tượng kinh hoàng ám ảnh anh ở nơi anh từng là tù binh của họ: “sáu cái xác người trần truồng nằm ngay ngắn sát với chân tường bên kia, xác nào cũng bị mổ phanh ra...” [3; 268].

“Họ cho bọn anh ăn sáng giống như cho lợn ăn sau đó lại dòn tất cả vào trong nhà khóa cửa lại” [3; 266].

Tuy nhiên, càng ngày, những ám ảnh kinh hoàng ấy vắt kiệt tâm trí anh, xóa nhòa ranh giới giữa quá khứ và thực tại. Nếu như trên lí thuyết, các nhà nghiên cứu cho rằng không có chừng mực nào cho việc *nói* hoặc *kể lại* có thể thỏa mãn sự thúc bách nội tại trong những tâm hồn bị tổn thương, “tức là không bao giờ đủ chữ để nói hết được câu chuyện, do đó áp lực để nói vẫn luôn tiếp diễn” [14; 129], song rõ ràng, tổn thương ấy vẫn cần được nỗ lực thấu hiểu và chữa trị. Chỉ có điều, càng ngày anh càng xa cách với đời sống hiện tại bởi những câu chuyện của quá khứ không được chia sẻ. Ai quan tâm đến đời sống tinh thần của người cựu binh này? Trong cuộc sống xô bồ hiện tại, ai có đủ kiên nhẫn lắng nghe chứ chưa nói đến việc có thể hiểu tâm tư và suy nghĩ của người thương binh ấy?. Nguyễn Bình Phương đã cực kì cao tay khi đặt cái *khao khát được thấu hiểu* này trong dòng chảy xô bồ nhốn nháo đầy vị kỉ của cuộc sống hiện đại. Rõ ràng, quá khứ của anh thật mịt mù và hư ảo. Trong khi đó, dòng chảy hiện tại cuốn theo quá nhiều hư danh và dục vọng, những thứ có ma lực mạnh mẽ hơn. Điều này càng làm gia tăng sự cô đơn và lạc lõng. Một phần, bởi đối với những người lính chống Tàu, sau chiến tranh, họ chẳng có bất cứ hào quang nào, thậm chí cứ như bị buộc phải quên lãng. “Va chạm” qua đi, chẳng ai muốn nhắc đến nữa. May mắn sống sót với tư cách những đã từng tham chiến, những người cựu binh phải tự vận lộn để vượt qua những bất ổn về tinh thần của chính mình. Trong cuộc sống xô bồ giữa dòng chảy hiện đại, có lẽ đòi hỏi một sự thấu hiểu sẽ là điều xa xỉ.

Sau rất nhiều năm khi cuộc chiến đã lùi xa, đối với nhiều người, những kí ức chần chẫn đã phai nhạt rất nhiều. Thậm chí, chỉ là những mảnh vỡ còn găm lại trong kí ức của một ai đó. Tuy nhiên, đối với anh, còn lại là các triệu chứng, hành vi thần kinh, hoang tưởng, điên loạn. Anh hoàn toàn mất kiểm soát và nhìn mọi hoạt động của đời thường như trong thời chiến. Đơn giản bởi nếu những người lính khác có thể tìm đến rượu để sống lại quá khứ thì anh đã không làm

được như tể, hoàn toàn trở thành một kẻ hoang tưởng với các triệu chứng tâm thần phân liệt. Giữa đời thường nhưng anh luôn tưởng mình đang trong trận chiến: “Tiếng anh ré lên the thé...”; Anh rống lên, “Mày đã bằng mấy thằng khựa chưa?”; “Hai bên hông anh đeo lưng lẳng hai hòn đá được buộc bằng dây dù, sau lưng khoác chéo một thanh gỗ...hùng hổ”, “Lùi ra để tao nã cho nó mấy viên chết bỏ đời nhà nó đi”; “Anh gỡ cái thanh gỗ ra, kẹp vào nách, lia một vòng, miệng kêu rẹt rẹt...”; “Anh rống lên lần nữa, như tiếng dội lại từ vách núi. Sau đó anh ngã quay ra đất, chân tay giẫy đạp, miệng sùi bọt”, v.v...

Cứ như thế, cuộc sống của anh là cuộc sống của một người bất bình thường: “Anh chửi suốt đêm đến sáng... Anh biến mất. Dây trời bị cắt bằng dao” [3; 200]; “Anh như người bước ra từ trận chiến, mặt loang lổ những vết bầm, râu tua tủa, bọ phờ, một khúc gỗ tròn nhẵn bóng bắt chéo sau lưng” [3; 202]; Anh oằn oại, thều thào: “Khéo mắt lựu đạn của tao” (7. Tr. 199). “Chúng mày trời ông thế này, Tàu nó mà tới thì lấy ai ra cản [3; 200]; “Tao còn phải luồn sâu đánh cho mấy thằng chó chết ấy biết mặt đã. Cừ rùm. Cứ về trước đi, khéo dính mìn đấy” [3; 202].

Người lính hào hoa năm nào đã hoàn toàn thay đổi, dân thị xã coi anh là kẻ tâm thần, anh sống lang thang vật vạ. Ngay cả người mẹ đã sinh ra anh cũng chỉ biết đau xót: “sầu não tím tái vì những lời bàn tán của dân thị xã” [3; 201]. Người em cũng cố gắng hiểu anh nhưng dường như là bất lực, mắt “cay xè”, “không khóc nhưng cổ thì nghẹn lại...” [3; 202-203]. Nghe những câu nói của anh cũng chỉ biết “thất lòng, cổ họng đau nhức”. Còn đôi mắt anh khiến người em cũng phải “thất ruột”: “Đôi mắt thật lạ, cứ lóng lánh trong màu đỏ tươi như nước quả dâu” [3; 196]. Tất cả còn lại chỉ là sự bất lực và xót thương. Và cho đến khi anh chết lang thang vật vạ, sau vài năm bốc mộ lại là một ngôi mộ kết, cũng vẫn phải dóc xương đau đớn. Những điều ấy đã thôi thúc người em đi dọc con đường mà anh đã từng chiến đấu, trở lại vùng đất đã biến người anh yêu thương của mình thành kẻ điên loạn.

Như thế, cái gọi là “va chạm” giữa *minh* và *họ*, là cuộc xô xát giữa hai người hàng xóm kia có thể là những nỗ lực làm giảm đi sự khốc liệt và tàn bạo của quá khứ, nhưng chính hình tượng người cựu binh trở về trong cô độc lại là tiếng nói cảnh tỉnh đau xót nhất. Nếu những tiếng nói rì rầm, những bóng hình cô đơn bên chén rượu đầy sâu cuộc chiến vào im lặng, thì chính sự “im lặng” đó sẽ là lời tố cáo. Chính sự im lặng là con đường ngắn nhất dẫn đến những hành vi không bình thường và cái chết lặng lẽ khôn khổ của người lính. Đau đớn, buốt lịm. Ở đây, sự im lặng khác sâu nhất sự thật và phô bày mọi chuyện theo cái cách của riêng nó. Bởi đối với những người đã trải qua những cảnh tượng kinh hoàng của chiến tranh, im lặng chính là liều thuốc độc. Theo Dory Laub, “Câu chuyện càng để lâu không được kể thì càng trở nên bị méo mó trong khái niệm của người sống sót, tới mức những người có thể còn sống sót này lại hoài nghi thực tế của những việc có thật” (dẫn theo Thornber) [14; 129]. Và khi rơi vào trạng thái hoài nghi, cùng với những ám ảnh kinh hoàng không thể tẩy trắng sẽ khiến hệ thần kinh của con người trở nên quá sức. Có một nguyên lý trong chấn thương, khi điều lẽ ra cần phải được nói nhưng không thể nói và rơi vào im lặng, nó sẽ tích tụ và dần cắt đứt con đường quay trở lại với một thế giới bình thường và được kết nối. Người thương binh ấy cứ mãi lún sâu vào những bất hạnh của cuộc chiến bởi anh không được chia sẻ. Ở đây, *tâm thần như một bằng chứng cho thấy bạo lực của quá khứ chưa được hoàn toàn thấu hiểu*. Nỗi niềm day dứt của Hiếu sau cái chết của người anh cũng chỉ là nỗi ân hận muộn màng.

3. Kết luận

Đứng trước những sự thật không thể và không được phép lãng quên về cuộc chiến tranh biên giới, chắc chắn sẽ có nhiều người đã, đang và sẽ viết về nó. Tuy nhiên, hòa cùng những mạch kể đan xen trong nhiều “chuyện” khác, Nguyễn Bình Phương đã dựng lên một bức tranh chiến trận với những thanh âm và nét vẽ kì lạ. Vẫn là một thực tế khốc liệt và nghiệt ngã, nhưng chiến tranh được nhìn từ những người bị bỏ quên – những người lính thời hậu chiến lạc lõng giữa thời bình khiến cho màu sắc của nó tưởng sẽ chìm lấp vào cái mênh mông hun hút của núi rừng và âm thanh xô bồ của đời sống hiện đại, nhưng cùng với sự “lặng im” không được thấu hiểu trong hình

hải người lính thương binh tâm thần, nổi đau dường như vẫn cứ chảy âm ỉ. Điều đó sẽ buộc mỗi chúng ta phải nhìn nhận lại những hi sinh mất mát và cả cái giá cho những chiến thắng của dân tộc. Trong dòng lịch sử hào hùng của dân tộc, đó sẽ là những nét vẽ bi tráng buộc mỗi chúng ta không thể lãng quên. Và trong vô vàn những mảnh vỡ khốn khổ và bất hạnh từ cuộc chiến, may mắn và kì diệu, cái còn lại vẫn là sự bất tử của những dãy núi đá miền biên cương như chứng nhân cho sự vĩnh hằng của Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H Đình, (2022). “50 năm cú bắt tay lịch sử Mỹ -Trung”, Nguồn: <https://thanhnien.vn/50-nam-cu-bat-tay-lich-su-my-trung-1851431203.htm>
- [2] NH Khâm, (2024). “Lời giới thiệu” cho cuốn *Những mảnh kí ức 1079-1989, Chuyện kể từ biên giới phía Bắc*. NXB Trẻ, Hà Nội.
- [3] NB Phương, (2014). *Mình và họ*. NXB Trẻ, Hà Nội.
- [4] ĐC Thi, (2015). “Bạo lực và Mỹ cảm: đọc *Mình và họ* của Nguyễn Bình Phương”, nguồn: <https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/pbao-luc-my-campidoc-mnh-v-hoi-cua-nguyen-bnh-phuong/>
- [5] Bảo Ninh, (Lam Điền thực hiện), (2014). “Không thể tẩy xóa lịch sử giữ nước”, Nguồn: <https://tuoitre.vn/khong-the-tay-xoa-lich-su-giu-nuoc-650128.htm>.
- [6] CK Lan, (2021). “Một viễn cảnh về tự sự học hậu kinh điển và phương pháp tiếp cận của nó”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, Số 11 (597), 39-57, ISSN 0494-6928.
- [7] CK Lan, (Chủ nhiệm đề tài), (2024). *Tự sự học hậu kinh điển trong xu hướng nghiên cứu liên ngành: Lí thuyết và thực tiễn* (Giai đoạn II). Bản PDF, Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Việt Nam.
- [8] White H, (1973). *Metahistory: the Historical Imagination in Nineteenth-Century Europe*. Baltimore : Johns Hopkins University Press.
- [9] White H, (1990). *The content of the form: Narrative Discourse and Historical Representation*. JHU Press.
- [10] White H, (1966). The Burden of History: History and Theory, 5(2). 111. <https://doi.org/10.2307/2504510>
- [11] CK Lan, (2015). *Tác giả hàm ẩn trong tu từ học tiểu thuyết*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12] NTN Minh, (2018). “Tự sự học lịch sử”, in trong *Tự sự học lí thuyết và ứng dụng*, Trần Đình Sử chủ biên. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [13] ĐT Huyền, H Hương & PH Thanh, (2024). *Những mảnh kí ức 1079-1989, Chuyện kể từ biên giới phía Bắc*. NXB Trẻ, Hà Nội.
- [14] Thornber K, (2016). “Lí thuyết chấn thương”, in trong *Lí thuyết và ứng dụng lí thuyết trong nghiên cứu văn học*, (S. Owen, D. Damrosch, K. Thornber). Trần Hải Yến tổ chức bản thảo và biên tập. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [15] CK Lan, (2019). “Chấn thương kép trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, in trong *Ma thuật của truyện kể* (CKL). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [16] Viện Văn học, Hội Nhà văn Việt Nam, (2023). *Nguyễn Bình Phương, những mê lộ nghệ thuật*. NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [17] NV Hùng, (2016). “Nghệ thuật tự sự của Nguyễn Bình Phương trong tiểu thuyết “*Mình và họ*”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số tháng 3, 85-95.
- [18] NA Say, (2017). “Tiểu thuyết *Mình và Họ* của Nguyễn Bình Phương nhìn từ lí thuyết trò chơi”. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 5(1). 46-51.
- [19] ĐH Ninh, (2017). “Âm vọng chiến tranh trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương” (Qua trường hợp *Mình và họ* và *Kẻ xong rồi đi*). *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 12, 32-43.
- [20] BT Truyền & NM Lan, (2023). “Kì ảo hóa hiện thực và con người trong *Mình và họ* của Nguyễn Bình Phương” trong *Những mê lộ nghệ thuật*. NXB Hội nhà văn, Hà Nội, tr.196-209.